

**TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN  
HUYỆN VŨ THU'  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2017

V/v tranh chấp về Hôn nhân và gia  
đình giữa chị Nguyễn Thị Mai H và  
anh Nguyễn Xuân T.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Bà Nguyễn Thị Nhiều

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu'.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1968

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt)

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2017 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị Mai H yêu cầu Tòa án không công

nhận chị và anh Nguyễn Xuân T là vợ chồng và đề nghị giải quyết về con chung của chị H và anh T. Chị H trình bày như sau:

Chị H và anh T chung sống với nhau từ tháng 6/1992 trên cơ sở tự nguyện, trong điều kiện cả hai đều lao động tại Liên bang Nga. Tuy nhiên do hiểu biết pháp luật hạn chế nên anh chị đã không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, mặc dù anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 1996 anh chị cùng về nước và về quê anh T tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình sống. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T và gia đình nghi ngờ chị H không chung thủy. Chị H đã giải thích nhưng anh T không tin tưởng chị. Vì vậy anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 04/2016 cho đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có ba con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/11/1992, Nguyễn Mai A, sinh ngày 29/7/1994 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 22/01/2005. Hai con Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Mai A đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Quang A, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 1 triệu đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản: Chị H trình bày chị và anh T đã thỏa thuận phân chia tài sản chung; anh chị không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Chị H cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện:***

- Xác nhận của UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình về việc chị H và anh T không đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Xác nhận của UBND phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (nơi chị H cư trú trước khi đi lao động tại Liên bang Nga) về việc chị H không đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

***Bị đơn*** trình bày tại bản tự khai đề ngày 25/4/2017 và tại phiên tòa như sau: Anh T và chị H chung sống với nhau từ tháng 6/1992 do anh chị tự nguyện, khi đó cả hai anh chị lao động và sinh sống tại Liên bang Nga. Khi đó anh chị đều đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Từ đó đến nay anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tháng 9/1996 anh chị về nước và cùng chung sống tại xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Đầu năm 2016 anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống của anh chị thay đổi, không còn phù hợp với nhau nữa. Đến tháng 4/2016 anh chị chính thức sống ly thân. Nay anh T nhất trí với yêu cầu của chị H, đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Anh T xác nhận anh và chị H có 3 con chung như chị H đã khai. Tại phiên tòa anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con Nguyễn Quang A, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Vì con Quang A có nguyện

vọng được sống cùng bố, anh đã xin chuyển trường cho con về học tại trường THCS xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình và hiện đang sống cùng với anh.

Về quan hệ tài sản: Anh T trình bày anh chị tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; anh chị không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Cháu Nguyễn Quang A trình bày:** Nếu bố mẹ không ở với nhau nữa cháu muốn được sống với bố.

**Đại diện VKSND huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình, có mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã viết bản tự khai và đã tham gia phiên tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về quan hệ con chung.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 9, 14, 15, 16, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử không công nhận chị H, anh T là vợ chồng. Về con chung: Giao con Nguyễn Quang A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí. Chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ tháng 6/1992, tuy anh chị đều đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ thời điểm chung sống đến nay anh chị vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn; Chị H, anh T đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Vì vậy dù anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, cần áp dụng điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Xử không công nhận chị H, anh T là vợ chồng - như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là đúng pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Chị H, anh T có ba con chung. Hai con là Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Mai A đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Hiện nay, con Nguyễn Quang A đã được chuyển trường học và đang sinh hoạt, học tập ổn định cùng anh T. Việc giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con

và phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Vì vậy, cần xử giao con Quang A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự đều xác định đã tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 09; 14; 15; 16; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

**1. Quan hệ hôn nhân:** Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Xuân T là vợ chồng.

**2. Quan hệ con chung:** Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Xuân T có ba con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28/11/1992, Nguyễn Mai A, sinh ngày 29/7/1994 và Nguyễn Quang A, sinh ngày 22/01/2005. Hai con Nguyễn Tuấn A, Nguyễn Mai A đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đặt ra giải quyết. Xử giao con Nguyễn Quang A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Chị H, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**3. Quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Án phí:** Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0002623 ngày 25/4/2017) sang thi hành án phí sơ thẩm.

*Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/8/2017.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Bình**

